

Số/ No.: VLAB0-250801-023/1

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 1/8

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: 216 Nguyễn văn Linh, Khu phố. Phú Tân, phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving 30/07/2025

Ngày thực hiện/ Date(s) of testing 01/08/2025 đến 14/08/2025

Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý- Nhà máy nước Đồng Xoài
2. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch
3. Thời gian lấy mẫu: 29/7/2025
4. Người lấy mẫu: Võ Thị Lệ Trâm
5. Clo: 0.91 (mg/l)

Tình trạng mẫu/ State of sample

Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans + Mẫu đựng trong chai thủy tinh/ Samples in glass bottles

Mẫu còn nguyên niêm phong của Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Bình Phước

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025:2017)/ Item(s) are accredited (ISO/IEC 17025:2017)
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test report is a unified whole, No part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY	TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL DIRECTOR
 Phạm Lê Tiến Khánh	  Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/1



Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 2/8

Kết quả/ result

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test result (s) are valid only on tested sample

Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
Coliforms	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/ Amd1: 2016 ^(a)	<1
Escherichia coli	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/ Amd1: 2016 ^(a)	<1
Asen (As)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,01
Clo tự do (Cl ₂)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-Cl ₂ - B:2023 ^(a)	0,2 - 1,0
Độ đục	KPH/ND	NTU	0,5	SMEWW 2130B :2023 ^(a)	2
Độ màu	KPH/ND	TCU	6	SMEWW 2120C:2023 ^(a)	15
Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
pH	7,3	-	-	TCVN 6492:2011 ^(a)	6,0- 8,5
Staphylococcus aureus	<1	CFU/100ml	-	SMEWW 9213B:2023 ^(a)	< 1
Pseudomonas aeruginosa	<1	CFU/100ml	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1
Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ - C:2023 ^(a)	1
Antimon (Sb)	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,02
Bari (Ba)	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	1,3
Bo (B)	KPH/ND	mg/L	0,006	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	2,4
Cadimi (Cd)	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,003
Chì (Pb)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,01

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Số/ No.: VLAB0-250801-023/1

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 3/8

Thủy ngân (Hg)	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,001
Crom (Cr)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,05
Đồng (Cu)	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	1
Kẽm (Zn)	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	2
Mangan (Mn)	KPH/ND	mg/L	0,05	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	0,1
Natri (Na)	1,89	mg/L	-	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	200
Nhôm (Al)	KPH/ND	mg/L	0,07	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,2
Niken (Ni)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,07
Sắt (Fe)	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	0,3
Selen (Se)	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,04
Clorua (Cl ⁻)	16,7	mg/L	-	SMEWW 4500-Cl- .B:2023 ^(a)	250 (hoặc 300)
Chỉ số Kali permanganat	KPH/ND	mg/L	0,5	TCVN 6186:1996 ^(a)	2
Độ cứng tổng	21,0	mgCaCO ₃ /L	-	SMEWW 2340C:2023 ^(a)	300
Fluor (F ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500F- .D:2023 ^(a)	1,5
Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 4500-NO ₃ - E:2023 ^(a)	11
Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,3	TCVN 6178:1996 ^(a)	0,9
Sulfat (SO ₄ ²⁻)	KPH/ND	mg/L	12,5	SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻)- E:2023 ^(a)	250
Sunfua	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6637: 2000	0,05
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	47,23	mg/L	-	SMEWW 2540C:2023 ^(a)	1000

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Số/ No.: VLAB0-250801-023/1

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 4/8

Xyanua (CN ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	0,05
1,1,1-Trichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	2000
1,2-Dichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	30
1,2-Dicloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	50
Tetrachlorocarbon	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	2
Dichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	20
Tetrachloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	40
Trichloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	8
Vinyl clorua	KPH/ND	µg/L	MDL=0,06	CASE.MT.0034 (2015) (s)	0,3
Benzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	10
Ethylbenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
Styrene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Toluene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	700
Xylene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	500
1,2-Dichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	1000
Monochlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	300
Hexaclorobutadiene	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	0,6
1,2-Dibromo-3-Chloropropane	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	1
1,2-Dichloropropane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	40

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/1

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 5/8

1,3-Dichloropropene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Dichloprop	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,06	CASE.CT.0201 (2024) (s)	100
Mecoprop	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 (a)	10
Hydroxyatrazine	KPH/ND	µg/L	LOD= 0,2	MKL-HH607 Ref. EPA Method 538 (s)	200
Cyanazine	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-674 (a)	0,6
Bromodichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	60
Bromoform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	100
Chloroform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
Dibromoacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	70
Dibromochloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	100
Dichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Dichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent (s)	50
Monochloramine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	3000
Monochloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent (s)	20
Trichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent(s)	200
Trichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	1
Acrylamide	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	MKL-HH652 Ref. Journal of Food and Drug Analysis, Vol. 17, No. 3, 2009, Pages 190-197 (s)	0,5



Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Số/ No.: VLAB0-250801-023/1

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 6/8

Epichlorohydrin	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,1	CASE.CT.0209 (2024) ^(s)	0,4
Isoproturon	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,2	MKL-HH607 Ref. EPA Method 538 ^(s)	9
Phenol và dẫn xuất của Phenol	Phụ lục đính kèm	µg/L	-	VLAB-CH-TP-638 ^(a)	1
Fenoprop	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,06	CASE.CT.0201 (2024) ^(s)	9
MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	2
2,4-D	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	30
2,4 DB	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	90
Aldicarb	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)	10
Carbofuran	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)	5
1,2,3-Trichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	20
Alachlor	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	100
Chlorpyrifos	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	30
Chlordane	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	0,2
Chlorotoluron	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	30
DDT và các dẫn xuất	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	1
Methoxychlor	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Molinate	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	6

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/1

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 7/8

Pendimethalin	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,1	CASE.CT.0199 (2024) ^(s)	20
Permethrin	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Propanil	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Simazine	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	2
Trifluralin	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
2,4,6-Trichlorophenol	KPH/ND	µg/L	0,3	VLAB-CH-TP-638	200
Bromate	KPH/ND	µg/L	LOD = 5	US EPA Method 300.0 ^(s)	10
Formaldehyde	KPH/ND	mg/L	MDL = 20	CASE.CT.0200 (2024) ^(s)	500
Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	<0,02	Bq/L	-	TCCS-NN-11:2023, TCCS-NN-12:2014 ^(s)	0,1
Tổng hoạt độ phóng xạ beta	0,08 ± 0,02	Bq/L	-	TCCS-NN-11:2023, TCCS-NN-12:2014 ^(s)	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

- Kết quả clo dư đo tại hiện trường: 0,91 mg/l (số liệu do khách hàng cung cấp)

Kết luận: Mẫu đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/1

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 8/8

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

STT No	NHÓM GROUP	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	LOQ	KẾT QUẢ RESULT	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD
1	Phenol và dẫn xuất phenol	Phenol	1	ND	ug/L	VLAB-CH-TP-638:2022
2		2-Chlorophenol	0,3	ND		
3		2-Nitrophenol	0,3	ND		
4		2,4-Dimethylphenol	0,3	ND		
5		2,4-Dichlorophenol	0,3	ND		
6		4-Chloro-3-methylphenol	0,3	ND		
7		Pentachlorophenol	0,3	ND		
8		4-Nitrophenol	0,3	ND		
9		2-Methylphenol	0,3	ND		
10		2,4-Dinitrophenol	0,3	ND		
11		2-Methyl-4,6 dinitrophenol (DNOC)	0,3	ND		
12		2,4,6-Trichlorophenol	0,3	ND		

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/2

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 1/8

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: 216 Nguyễn văn Linh, Khu phố. Phú Tân, phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving 30/07/2025

Ngày thực hiện/ Date(s) of testing 01/08/2025 đến 14/08/2025

Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý- Nhà máy nước Đồng Xoài
2. Vị trí lấy mẫu: Giữa mạng lưới cấp nước (Thuế cơ sở 10 tỉnh Đồng Nai, số 1192 đường Phú Riêng Đỏ, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai)
3. Thời gian lấy mẫu: 29/7/2025
4. Người lấy mẫu: Võ Thị Lệ Trâm
5. Clo: 0.82 (mg/l)

Tình trạng mẫu/ State of sample Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans + Mẫu đựng trong chai thủy tinh/ Samples in glass bottles

Mẫu còn nguyên niêm phong của Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Bình Phước

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025:2017)/ Item(s) are accredited (ISO/IEC 17025:2017)
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test report is a unified whole, No part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY	TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL DIRECTOR
 Phạm Lê Tiến Khánh	 Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Số/ No.: VLAB0-250801-023/2

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 2/8

Kết quả/ result

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test result (s) are valid only on tested sample					
Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
Coliforms	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/ Amd1: 2016 ^(a)	<1
Escherichia coli	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/ Amd1: 2016 ^(a)	<1
Asen (As)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,01
Clo tự do (Cl ₂)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-Cl ₂ - B:2023 ^(a)	0,2 - 1,0
Độ đục	KPH/ND	NTU	0,5	SMEWW 2130B :2023 ^(a)	2
Độ màu	KPH/ND	TCU	6	SMEWW 2120C:2023 ^(a)	15
Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
pH	7,25	-	-	TCVN 6492:2011 ^(a)	6,0- 8,5
Staphylococcus aureus	<1	CFU/100ml	-	SMEWW 9213B:2023 ^(a)	< 1
Pseudomonas aeruginosa	<1	CFU/100ml	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1
Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ - C:2023 ^(a)	1
Antimon (Sb)	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,02
Bari (Ba)	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	1,3
Bo (B)	KPH/ND	mg/L	0,006	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	2,4
Cadimi (Cd)	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,003
Chì (Pb)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,01

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/2

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 3/8

Thủy ngân (Hg)	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,001
Crom (Cr)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,05
Đồng (Cu)	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	1
Kẽm (Zn)	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	2
Mangan (Mn)	KPH/ND	mg/L	0,05	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	0,1
Natri (Na)	1,91	mg/L	-	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	200
Nhôm (Al)	KPH/ND	mg/L	0,07	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,2
Niken (Ni)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,07
Sắt (Fe)	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	0,3
Selen (Se)	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,04
Clorua (Cl ⁻)	15,2	mg/L	-	SMEWW 4500-Cl ⁻ B:2023 ^(a)	250 (hoặc 300)
Chỉ số Kali permanganat	KPH/ND	mg/L	0,5	TCVN 6186:1996 ^(a)	2
Độ cứng tổng	22,0	mgCaCO ₃ /L	-	SMEWW 2340C:2023 ^(a)	300
Fluor (F ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500F- D:2023 ^(a)	1,5
Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 4500-NO ₃ - E:2023 ^(a)	11
Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,3	TCVN 6178:1996 ^(a)	0,9
Sulfat (SO ₄ ²⁻)	KPH/ND	mg/L	12,5	SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻)- E:2023 ^(a)	250
Sunfua	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6637: 2000	0,05
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	46,8	mg/L	-	SMEWW 2540C:2023 ^(a)	1000

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM

26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Số/ No.: VLAB0-250801-023/2

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 4/8

Xyanua (CN ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	0,05
1,1,1-Trichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	2000
1,2-Dichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	30
1,2-Dicloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	50
Tetrachlorocarbon	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	2
Dichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	20
Tetrachloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	40
Trichloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	8
Vinyl clorua	KPH/ND	µg/L	MDL=0,06	CASE.MT.0034 (2015) (s)	0,3
Benzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	10
Ethylbenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
Styrene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Toluene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	700
Xylene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	500
1,2-Dichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	1000
Monochlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	300
Hexaclorobutadiene	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	0,6
1,2-Dibromo-3-Chloropropane	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	1
1,2-Dichloropropane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	40

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/2

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 5/8

1,3-Dichloropropene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Dichloprop	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,06	CASE.CT.0201 (2024) (s)	100
Mecoprop	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 (a)	10
Hydroxyatrazine	KPH/ND	µg/L	LOD= 0,2	MKL-HH607 Ref. EPA Method 538 (s)	200
Cyanazine	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-674 (a)	0,6
Bromodichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	60
Bromoform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	100
Chloroform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
Dibromoacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	70
Dibromochloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	100
Dichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Dichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent (s)	50
Monochloramine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	3000
Monochloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent (s)	20
Trichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent(s)	200
Trichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	1
Acrylamide	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	MKL-HH652 Ref. Journal of Food and Drug Analysis, Vol. 17, No. 3, 2009, Pages 190-197 (s)	0,5

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Số/ No.: VLAB0-250801-023/2

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 6/8

Epichlorohydrin	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,1	CASE.CT.0209 (2024) ^(s)	0,4
Isoproturon	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,2	MKL-HH607 Ref. EPA Method 538 ^(s)	9
Phenol và dẫn xuất của Phenol	Phụ lục đính kèm	µg/L	-	VLAB-CH-TP-638 ^(a)	1
Fenoprop	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,06	CASE.CT.0201 (2024) ^(s)	9
MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	2
2,4-D	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	30
2,4 DB	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	90
Aldicarb	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)	10
Carbofuran	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)	5
1,2,3-Trichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	20
Alachlor	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	100
Chlorpyrifos	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	30
Chlordane	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	0,2
Chlorotoluron	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	30
DDT và các dẫn xuất	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	1
Methoxychlor	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Molinate	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	6

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/2

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 7/8

Pendimethalin	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,1	CASE.CT.0199 (2024) ^(s)	20
Permethrin	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Propanil	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Simazine	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	2
Trifluralin	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
2,4,6-Trichlorophenol	KPH/ND	µg/L	0,3	VLAB-CH-TP-638	200
Bromate	KPH/ND	µg/L	LOD = 5	US EPA Method 300.0 ^(s)	10
Formaldehyde	KPH/ND	mg/L	MDL = 20	CASE.CT.0200 (2024) ^(s)	500
Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	<0,02	Bq/L	-	TCCS-NN-11:2023, TCCS-NN-12:2014 ^(s)	0,1
Tổng hoạt độ phóng xạ beta	0,06 ± 0,02	Bq/L	-	TCCS-NN-11:2023, TCCS-NN-12:2014 ^(s)	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

- Kết quả clo dư đo tại hiện trường: 0,82 mg/l (số liệu do khách hàng cung cấp)

Kết luận: Mẫu đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/2

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 8/8

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

STT No	NHÓM GROUP	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	LOQ	KẾT QUẢ RESULT	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD
1	Phenol và dẫn xuất phenol	Phenol	1	ND	ug/L	VLAB-CH-TP-638:2022
2		2-Chlorophenol	0,3	ND		
3		2-Nitrophenol	0,3	ND		
4		2,4-Dimethylphenol	0,3	ND		
5		2,4-Dichlorophenol	0,3	ND		
6		4-Chloro-3-methylphenol	0,3	ND		
7		Pentachlorophenol	0,3	ND		
8		4-Nitrophenol	0,3	ND		
9		2-Methylphenol	0,3	ND		
10		2,4-Dinitrophenol	0,3	ND		
11		2-Methyl-4,6 dinitrophenol (DNOC)	0,3	ND		
12		2,4,6-Trichlorophenol	0,3	ND		

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/3

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 1/8

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: 216 Nguyễn văn Linh, Khu phố. Phú Tân, phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving 30/07/2025

Ngày thực hiện/ Date(s) of testing 01/08/2025 đến 14/08/2025

Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý- Nhà máy nước Đồng Xoài
2. Vị trí lấy mẫu: Giữa mạng lưới cấp nước (số 731, đường Phú Riềng Đỏ, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai)
3. Thời gian lấy mẫu: 29/7/2025
4. Người lấy mẫu: Võ Thị Lệ Trâm
5. Clo: 0.78 (mg/l)

Tình trạng mẫu/ State of sample

Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans + Mẫu đựng trong chai thủy tinh/ Samples in glass bottles

Mẫu còn nguyên niêm phong của Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Bình Phước

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025:2017)/ Item(s) are accredited (ISO/IEC 17025:2017)
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test report is a unified whole, No part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY	TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL DIRECTOR
 Phạm Lê Tiến Khánh	 Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/3



Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 2/8

Kết quả/ result

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test result (s) are valid only on tested sample

Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
Coliforms	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/ Amd1: 2016 ^(a)	<1
Escherichia coli	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/ Amd1: 2016 ^(a)	<1
Asen (As)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,01
Clo tự do (Cl ₂)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-Cl ₂ - B:2023 ^(a)	0,2 - 1,0
Độ đục	KPH/ND	NTU	0,5	SMEWW 2130B :2023 ^(a)	2
Độ màu	KPH/ND	TCU	6	SMEWW 2120C:2023 ^(a)	15
Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
pH	7,21	-	-	TCVN 6492:2011 ^(a)	6,0- 8,5
Staphylococcus aureus	<1	CFU/100ml	-	SMEWW 9213B:2023 ^(a)	< 1
Pseudomonas aeruginosa	<1	CFU/100ml	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1
Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ - C:2023 ^(a)	1
Antimon (Sb)	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,02
Bari (Ba)	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	1,3
Bo (B)	KPH/ND	mg/L	0,006	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	2,4
Cadimi (Cd)	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,003
Chì (Pb)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,01

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ

LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu

479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau

214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/3

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 3/8

Thủy ngân (Hg)	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,001
Crom (Cr)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,05
Đồng (Cu)	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	1
Kẽm (Zn)	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	2
Mangan (Mn)	KPH/ND	mg/L	0,05	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	0,1
Natri (Na)	1,88	mg/L	-	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	200
Nhôm (Al)	KPH/ND	mg/L	0,07	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,2
Niken (Ni)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,07
Sắt (Fe)	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	0,3
Selen (Se)	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,04
Clorua (Cl ⁻)	15,2	mg/L	-	SMEWW 4500-Cl- .B:2023 ^(a)	250 (hoặc 300)
Chỉ số Kali permanganat	KPH/ND	mg/L	0,5	TCVN 6186:1996 ^(a)	2
Độ cứng tổng	29,0	mgCaCO ₃ /L	-	SMEWW 2340C:2023 ^(a)	300
Fluor (F ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500F- .D:2023 ^(a)	1,5
Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 4500-NO ₃ - E:2023 ^(a)	11
Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,3	TCVN 6178:1996 ^(a)	0,9
Sulfat (SO ₄ ²⁻)	KPH/ND	mg/L	12,5	SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻)- E:2023 ^(a)	250
Sunfua	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6637: 2000	0,05
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	44,8	mg/L	-	SMEWW 2540C:2023 ^(a)	1000



Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLAB0-250801-023/3

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 4/8

Xyanua (CN ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 4500-CN-E:2023 ^(a)	0,05
1,1,1-Trichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	2000
1,2-Dichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	30
1,2-Dicloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	50
Tetrachlorocarbon	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	2
Dichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	20
Tetrachloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	40
Trichloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	8
Vinyl clorua	KPH/ND	µg/L	MDL=0,06	CASE.MT.0034 (2015) ^(s)	0,3
Benzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	10
Ethylbenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	300
Styrene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	20
Toluene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	700
Xylene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	500
1,2-Dichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	1000
Monochlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	300
Hexaclorobutadiene	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	0,6
1,2-Dibromo-3-Chloropropane	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	1
1,2-Dichloropropane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	40

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/3

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 5/8

1,3-Dichloropropene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Dichloprop	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,06	CASE.CT.0201 (2024) (s)	100
Mecoprop	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 (a)	10
Hydroxyatrazine	KPH/ND	µg/L	LOD= 0,2	MKL-HH607 Ref. EPA Method 538 (s)	200
Cyanazine	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-674 (a)	0,6
Bromodichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	60
Bromoform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	100
Chloroform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
Dibromoacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	70
Dibromochloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	100
Dichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Dichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent (s)	50
Monochloramine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	3000
Monochloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent (s)	20
Trichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent(s)	200
Trichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	1
Acrylamide	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	MKL-HH652 Ref. Journal of Food and Drug Analysis, Vol. 17, No. 3, 2009, Pages 190-197 (s)	0,5

2529
3 TY
PHÂN
NGHI
LABS
T.P HỒ C

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Số/ No.: VLAB0-250801-023/3

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 6/8

Epichlorohydrin	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,1	CASE.CT.0209 (2024) ^(s)	0,4
Isoproturon	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,2	MKL-HH607 Ref. EPA Method 538 ^(s)	9
Phenol và dẫn xuất của Phenol	Phụ lục đính kèm	µg/L	-	VLAB-CH-TP-638 ^(a)	1
Fenoprop	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,06	CASE.CT.0201 (2024) ^(s)	9
MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	2
2,4-D	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	30
2,4 DB	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	90
Aldicarb	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)	10
Carbofuran	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)	5
1,2,3-Trichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	20
Alachlor	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	100
Chlorpyrifos	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	30
Chlordane	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	0,2
Chlorotoluron	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	30
DDT và các dẫn xuất	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	1
Methoxychlor	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Molinate	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	6

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trĩ Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Trĩ Kiệt Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/3

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 7/8

Pendimethalin	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,1	CASE.CT.0199 (2024) ^(s)	20
Permethrin	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Propanil	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Simazine	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	2
Trifluralin	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
2,4,6-Trichlorophenol	KPH/ND	µg/L	0,3	VLAB-CH-TP-638	200
Bromate	KPH/ND	µg/L	LOD = 5	US EPA Method 300.0 ^(s)	10
Formaldehyde	KPH/ND	mg/L	MDL = 20	CASE.CT.0200 (2024) ^(s)	500
Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	<0,02	Bq/L	-	TCCS-NN-11:2023, TCCS-NN-12:2014 ^(s)	0,1
Tổng hoạt độ phóng xạ beta	0,08 ± 0,02	Bq/L	-	TCCS-NN-11:2023, TCCS-NN-12:2014 ^(s)	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

- Kết quả clo dư đo tại hiện trường: 0,78 mg/l (số liệu do khách hàng cung cấp)

Kết luận: Mẫu đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/3

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 8/8

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

STT No	NHÓM GROUP	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	LOQ	KẾT QUẢ RESULT	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD
1	Phenol và dẫn xuất phenol	Phenol	1	ND	ug/L	VLAB-CH-TP-638:2022
2		2-Chlorophenol	0,3	ND		
3		2-Nitrophenol	0,3	ND		
4		2,4-Dimethylphenol	0,3	ND		
5		2,4-Dichlorophenol	0,3	ND		
6		4-Chloro-3-methylphenol	0,3	ND		
7		Pentachlorophenol	0,3	ND		
8		4-Nitrophenol	0,3	ND		
9		2-Methylphenol	0,3	ND		
10		2,4-Dinitrophenol	0,3	ND		
11		2-Methyl-4,6 dinitrophenol (DNOC)	0,3	ND		
12		2,4,6-Trichlorophenol	0,3	ND		

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/4

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 1/8

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: 216 Nguyễn văn Linh, Khu phố. Phú Tân, phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving 30/07/2025

Ngày thực hiện/ Date(s) of testing 01/08/2025 đến 14/08/2025

Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý- Nhà máy nước Đồng Xoài
2. Vị trí lấy mẫu: Cuối mạng lưới cấp nước (Khu dân cư Bắc Đồng Phú, đường D1, KP Bàu Ké, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai)
3. Thời gian lấy mẫu: 29/7/2025
4. Người lấy mẫu: Võ Thị Lệ Trâm
5. Clo: 0.29 (mg/l)

Tình trạng mẫu/ State of sample Mẫu đựng trong can nhựa/ Sample in plastic cans + Mẫu đựng trong chai thủy tinh/ Samples in glass bottles
Mẫu còn nguyên niêm phong của Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Bình Phước

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận (ISO/IEC 17025:2017)/ Item(s) are accredited (ISO/IEC 17025:2017)
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test report is a unified whole, No part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY	TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL DIRECTOR
 Phạm Lê Tiến Khánh	 Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/4



Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 2/8

Kết quả/ result

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test result (s) are valid only on tested sample

Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCVN 01- 1:2024/BYT
Coliforms	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/ Amd1: 2016 ^(a)	<1
Escherichia coli	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308-1:2014/ Amd1: 2016 ^(a)	<1
Asen (As)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,01
Clo tự do (Cl ₂)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-Cl ₂ - B:2023 ^(a)	0,2 - 1,0
Độ đục	KPH/ND	NTU	0,5	SMEWW 2130B :2023 ^(a)	2
Độ màu	KPH/ND	TCU	6	SMEWW 2120C:2023 ^(a)	15
Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
pH	7,20	-	-	TCVN 6492:2011 ^(a)	6,0- 8,5
Staphylococcus aureus	<1	CFU/100ml	-	SMEWW 9213B:2023 ^(a)	< 1
Pseudomonas aeruginosa	<1	CFU/100ml	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1
Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ - C:2023 ^(a)	1
Antimon (Sb)	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,02
Bari (Ba)	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	1,3
Bo (B)	KPH/ND	mg/L	0,006	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	2,4
Cadimi (Cd)	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,003
Chì (Pb)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,01

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/4

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 3/8

Thủy ngân (Hg)	KPH/ND	mg/L	0,0003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,001
Crom (Cr)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,05
Đồng (Cu)	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	1
Kẽm (Zn)	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	2
Mangan (Mn)	KPH/ND	mg/L	0,05	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	0,1
Natri (Na)	1,86	mg/L	-	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	200
Nhôm (Al)	KPH/ND	mg/L	0,07	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,2
Niken (Ni)	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,07
Sắt (Fe)	KPH/ND	mg/L	0,2	SMEWW 3030E:2023 ^(a) SMEWW 3111B: 2023	0,3
Selen (Se)	KPH/ND	mg/L	0,001	SMEWW 3030E:2023/ SMEWW 3125B:2023 ^(a)	0,04
Clorua (Cl ⁻)	14,5	mg/L	-	SMEWW 4500-Cl- .B:2023 ^(a)	250 (hoặc 300)
Chỉ số Kali permanganat	KPH/ND	mg/L	0,5	TCVN 6186:1996 ^(a)	2
Độ cứng tổng	25,0	mgCaCO ₃ /L	-	SMEWW 2340C:2023 ^(a)	300
Fluor (F ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,3	SMEWW 4500F- .D:2023 ^(a)	1,5
Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,1	SMEWW 4500-NO ₃ - E:2023 ^(a)	11
Nitrit (N-NO ₂ ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,3	TCVN 6178:1996 ^(a)	0,9
Sulfat (SO ₄ ²⁻)	KPH/ND	mg/L	12,5	SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻)- E:2023 ^(a)	250
Sunfua	KPH/ND	mg/L	0,03	TCVN 6637: 2000	0,05
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	44,4	mg/L	-	SMEWW 2540C:2023 ^(a)	1000

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/4



Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 4/8

Xyanua (CN ⁻)	KPH/ND	mg/L	0,01	SMEWW 4500-CN-E:2023(a)	0,05
1,1,1-Trichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	2000
1,2-Dichloroethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	30
1,2-Dicloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	50
Tetrachlorocarbon	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	2
Dichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	20
Tetrachloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	40
Trichloroethene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	8
Vinyl clorua	KPH/ND	µg/L	MDL=0,06	CASE.MT.0034 (2015) (s)	0,3
Benzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	10
Ethylbenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
Styrene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Toluene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	700
Xylene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	500
1,2-Dichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	1000
Monochlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	300
Hexaclorobutadiene	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	0,6
1,2-Dibromo-3-Chloropropane	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-639	1
1,2-Dichloropropane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	40

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ

LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu

479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau

214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/4

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 5/8

1,3-Dichloropropene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Dichloprop	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,06	CASE.CT.0201 (2024) (s)	100
Mecoprop	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 (a)	10
Hydroxyatrazine	KPH/ND	µg/L	LOD= 0,2	MKL-HH607 Ref. EPA Method 538 (s)	200
Cyanazine	KPH/ND	µg/L	0,5	VLAB-CH-TP-674 (a)	0,6
Bromodichloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	60
Bromoform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	100
Chloroform	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	300
Dibromoacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	70
Dibromochloromethane	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	100
Dichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	20
Dichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent (s)	50
Monochloramine	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639	3000
Monochloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent (s)	20
Trichloroacetic acid	KPH/ND	µg/L	LOD = 2	MKL-HH674 Ref.Application Note 5994-1275 EN, Agilent(s)	200
Trichloroacetonitrile	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 (a)	1
Acrylamide	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,1	MKL-HH652 Ref. Journal of Food and Drug Analysis, Vol. 17, No. 3, 2009, Pages 190-197 (s)	0,5

2523
CÔNG TY
HÀN
NGHỆ
ABS
PHỐ CH

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Số/ No.: VLAB0-250801-023/4

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 6/8

Epichlorohydrin	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,1	CASE.CT.0209 (2024) ^(s)	0,4
Isoproturon	KPH/ND	µg/L	LOD = 0,2	MKL-HH607 Ref. EPA Method 538 ^(s)	9
Phenol và dẫn xuất của Phenol	Phụ lục đính kèm	µg/L	-	VLAB-CH-TP-638 ^(a)	1
Fenoprop	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,06	CASE.CT.0201 (2024) ^(s)	9
MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	2
2,4-D	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	30
2,4 DB	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-641 ^(a)	90
Aldicarb	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)	10
Carbofuran	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008) ^(a)	5
1,2,3-Trichlorobenzene	KPH/ND	µg/L	10	VLAB-CH-TP-639 ^(a)	20
Alachlor	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	100
Chlorpyrifos	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	30
Chlordane	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	0,2
Chlorotoluron	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	30
DDT và các dẫn xuất	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	1
Methoxychlor	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Molinate	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	6

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ

LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu

479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau

214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/4

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025
Trang/ Page : 7/8

Pendimethalin	KPH/ND	µg/L	MDL = 0,1	CASE.CT.0199 (2024) ^(s)	20
Permethrin	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Propanil	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
Simazine	KPH/ND	mg/L	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	2
Trifluralin	KPH/ND	µg/L	1	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01) ^(a)	20
2,4,6-Trichlorophenol	KPH/ND	µg/L	0,3	VLAB-CH-TP-638	200
Bromate	KPH/ND	µg/L	LOD = 5	US EPA Method 300.0 ^(s)	10
Formaldehyde	KPH/ND	mg/L	MDL = 20	CASE.CT.0200 (2024) ^(s)	500
Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	<0,02	Bq/L	-	TCCS-NN-11:2023, TCCS-NN-12:2014 ^(s)	0,1
Tổng hoạt độ phóng xạ beta	0,09 ± 0,02	Bq/L	-	TCCS-NN-11:2023, TCCS-NN-12:2014 ^(s)	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

- Kết quả clo dư đo tại hiện trường: 0,29 mg/l (số liệu do khách hàng cung cấp)

Kết luận: Mẫu đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-250801-023/4

Ngày phát hành/ Issued date : 14/08/2025

Trang/ Page : 8/8

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

STT No	NHÓM GROUP	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	LOQ	KẾT QUẢ RESULT	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD
1	Phenol và dẫn xuất phenol	Phenol	1	ND	ug/L	VLAB-CH-TP-638:2022
2		2-Chlorophenol	0,3	ND		
3		2-Nitrophenol	0,3	ND		
4		2,4-Dimethylphenol	0,3	ND		
5		2,4-Dichlorophenol	0,3	ND		
6		4-Chloro-3-methylphenol	0,3	ND		
7		Pentachlorophenol	0,3	ND		
8		4-Nitrophenol	0,3	ND		
9		2-Methylphenol	0,3	ND		
10		2,4-Dinitrophenol	0,3	ND		
11		2-Methyl-4,6 dinitrophenol (DNOC)	0,3	ND		
12		2,4,6-Trichlorophenol	0,3	ND		

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/06/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
26 đường D1A, Khu dân cư Trí Kiệt, Phường Phước Long, TP.HCM
26 Street D1A, Tri Kiet Residence Area, Phuoc Long Ward, HCMC
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCMC
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Bạc Liêu
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Bac Lieu Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province